VOCABULARY TOPIC 3

TOPIC 3: PEOPLE'S BACKGROUND

Part A. Reading

LISTEN AND REPEAT

- educate (v) : giáo dục

education (n) sự giáo dục; nền giáo dục

educational (a): thuộc giáo dục

- science (n) : khoa học

scientist (n): nhà khoa học

scientific (a): (thuộc) khoa học

- brilliant (a) : sáng chói; rất thông minh
- harbour (n): bến tàu, cảng

  (v): nuôi dưỡng
- private (a): riêng tư
- interrupt (v): ngắt lời (của ai)
- mature (a): trưởng thành
- tragic (a): bi thảm

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS